TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NHƯ XUÂN** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2019/HS-ST
Ngày: 18-01-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHƯ XUÂN - TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Tiến Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vi Trọng Pháo

Ông Lục Hải Minh

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Ngọc Nhạn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Như Xuân.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Như Xuân tham gia phiên tòa: Ông Lê Anh Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Như Xuân xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 33/2018/TLST-HS ngày 23 tháng 11 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2018/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 12 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2019/HSST-QĐ ngày 04 tháng 01 năm 2019, đối với bị cáo:

Lê Hữu D, sinh ngày 29/7/1983 tại tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Phố Y, phường Q, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Hữu B và bà Lê Thị T; có vợ là Vi Thúy D và 01 con sinh năm 2012; tiền án: Ngày 12/9/2012, bị Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa xử phạt 18 tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"; Ngày 02/6/2016, bị Tòa án nhân dân quận 12, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy"; tiền sự: Không; nhân thân: Năm 2007, bị Công an thành phố Thanh Hóa xử lý hành chính bằng biện pháp "Đưa vào trường giáo dưỡng" (từ ngày 16/5/2007); Ngày 23/10/2018, bị Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa xử phạt 30 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản"; bị tạm giam trong vụ án khác từ ngày 01/8/2018. Có mặt.

Người bị hại: Anh Vi Văn Tr, SN 1983.

Trú tại: Thôn T, xã X, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Hoàng Ngọc K, SN 1982

Trú tại: SN 204 D, phường T, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 06 giờ 00 phút ngày 26/7/2018, Lê Hữu D, sinh năm 1983 ở phố T, phường Q, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa đi bộ từ nhà bố vợ ở thôn Thanh Đồng, xã Thanh Xuân, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa sang nhà anh Vi Văn Tr, sinh năm 1983 (là anh họ của vợ D) ở cùng thôn. Khi sang nhà anh Tr, D hỏi mượn của anh Tr 01 chiếc xe mô tô, nhãn hiệu Honda Wave màu đỏ - đen - xám, BKS 36B1-335.xx để đi mua thuốc lá, anh Tr đồng ý cho D mượn chiếc xe nói trên, và còn hỏi D: *"Có đi thật không đá?"*, D đáp lại: *"Anh cứ đùa em"*. Sau khi mượn được chiếc xe mô tô của anh Tr, D điều khiển xe đi mua thuốc lá ở gần trường học, sau đó không mang xe về trả cho anh Tr mà điều khiển xe đi thẳng về nhà ở phố T, phường Q, thành phố Thanh Hóa. Đến chiều ngày 27/02/2018, do không có tiền mua ma túy để sử dụng nên D đã nảy sinh ý định đem chiếc xe mô tô đã mượn của anh Tr đi cầm cố để lấy tiền. Do không có giấy chứng minh nhân dân nên khoảng 15 giờ 00 phút cùng ngày, D điều khiển xe mô tô của anh Tr đến nhà Trần Việt H, sinh năm 1983 ở số 73 N, phường N, thành phố Thanh Hóa (là bạn học cùng cấp 2 của D) để mượn Căn cước công dân của H và nhờ H đi "cắm" xe cùng, H đồng ý cho D mượn Căn cước công dân và hỏi về nguồn gốc chiếc xe mô tô thì D nói với H là chiếc xe mô tô trên là của vợ D. Sau đó D điều khiển chiếc xe mô tô nói trên chở theo H đến hiệu cầm đồ Ngọc K ở số 204 D, phường T, thành phố Thanh Hóa để cầm cố chiếc xe mô tô đã mượn của anh Tr. Trước khi cho cầm cố, chủ hiệu cầm đồ Ngọc K là anh Hoàng Ngọc K, sinh năm 1982 có hỏi về nguồn gốc của chiếc xe mà D mang đi cầm cố, D trả lời rằng chiếc xe này là của vợ D, sau đó anh K đồng ý cho D cầm cố chiếc xe trên và yêu cầu cả D và H cùng ký vào hợp đồng cầm cố tài sản. D cầm cố chiếc xe mô tô đã mượn của anh Tr và vay được 5.000.000đ, đến trưa ngày 28/7/2018, D lại ra hiệu cầm đồ nói trên vay thêm 1.000.000đ. Số tiền này D đã mua ma túy sử dụng và tiêu sài cá nhân hết.

Ngày 10/8/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an huyện Như Xuân đã ra quyết định yêu cầu định giá tài sản đối với chiếc xe mô tô BKS 36B1-335.xx, nhãn hiệu Honda Wave màu đỏ - đen - xám của anh Tr mà D đã mang đi cầm cố ngày 27/7/2018. Ngày 15/8/2018, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Như Xuân đã có kết luận số: 11/TB-ĐGTS, kết luận chiếc xe máy nói trên trị giá 5.025.000đ (BL 38 -> 43).

Quá trình điều tra, thu thập chứng cứ, lấy lời khai của người bị hại, người làm chứng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, lấy lời khai và hỏi cung Lê Hữu D xác định: Ban đầu, do anh Tr là anh họ của vợ D, lại ở cùng thôn nên D đã sang nhà anh Tr mượn chiếc xe mô tô để đi mua thuốc lá, anh Tr đồng ý cho D mượn xe, nhưng sau khi đi mua thuốc lá xong thì D không trả xe cho anh Tr mà đi thẳng về nhà mình ở phố T, phường Q, thành phố Thanh Hóa; đến chiều ngày 27/7/2018, do không có tiền tiêu sài nên D nảy sinh ý định mang chiếc xe mô tô mượn của anh Tr đi cầm cố. Do không có giấy CMND nên D đã gặp Trần Việt H hỏi mượn Căn cước công dân của H để đi cầm cố chiếc xe, sau đó D chở H đến hiệu cầm đồ Ngọc K cầm cố chiếc xe mô tô của anh Tr lấy 5.000.000đ. Đến sáng ngày 28/7/2018, D lại đến hiệu cầm đồ Ngọc K để vay thêm 1.000.000đ nữa. Tất cả số tiền trên D đều mua ma túy sử dụng và tiêu sài cá nhân hết. D khai là đã mua ma túy của một người không quen biết, không biết tên, tuổi địa chỉ ở đâu, địa điểm mua bán ma túy cũng không nhớ cụ thể là ở chỗ nào nên CQĐT không đủ căn cứ để xử lý về hành vi này của D

và người bán ma túy cho D, khi có đủ căn cứ sẽ xử lý bằng một vụ án khác (BL 67 -> 83).

Đối với Trần Việt H: Quá trình điều tra xác định, do không có giấy CMND nên D đã gặp H hỏi mượn thẻ căn cước công dân để đi cầm cố chiếc xe mô tô; trước khi đi, H có hỏi về nguồn gốc chiếc xe nhưng D nói là xe của vợ D, H tin là D nói thật nên đã đi cùng D và cho D mượn thẻ căn cước công dân để cầm cố chiếc xe mô tô; số tiền cầm cố chiếc xe mô tô D cũng không chia cho H mà D đã sử dụng hết. CQĐT xác định hành vi của H không phải là đồng phạm với D nên không xử lý đối với H (BL 26 -> 30).

Đối với chủ hiệu cầm đồ Ngọc K: Quá trình điều tra xác định, anh Hoàng Ngọc K không biết chiếc xe mô tô mà D mang đến cầm cố là xe do D phạm tội mà có; anh K cho D cầm cố chiếc xe mô tô là hoàn toàn ngay tình, xe mô tô có đủ giấy tờ; D cũng nói là xe của vợ D nên anh K đã tin tưởng cho D cầm cố chiếc xe mô tô lấy 6.000.000đ. Sau khi Cơ quan điều tra đến làm việc, anh K mới biết và đã tự nguyện giao nộp chiếc xe mô tô và giấy tờ có liên quan cho Cơ quan điều tra. (BL 33 -> 37)

Vật chứng của vụ án là: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu đỏ - đen - xám, BKS 36B1-335.xx là tài sản của anh Vi Văn Tr.

Về dân sự: Tài sản Lê Hữu D chiếm đoạt là chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu đỏ - đen - xám, BKS 36B1-335.xx, Cơ quan điều tra đã thu hồi và trả lại cho người bị hại Vi Văn Tr, anh Tr không yêu cầu D phải bồi thường gì thêm; Anh Hoàng Ngọc K yêu cầu D phải trả lại số tiền 6.000.000đ là tiền anh K đã cho D cầm cố chiếc xe mô tô.

Cáo trạng số: 33/CT-KSĐT-TA ngày 20/11/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Như Xuân truy tố bị cáo Lê Hữu D về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo điểm g khoản 2 Điều 175 BLHS.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lê Hữu D phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

Áp dụng: Điểm g khoản 2 Điều 175; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 56 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Lê Hữu D với mức án từ 30 đến 36 tháng tù, tổng với hình phạt 30 tháng tù tại bản án hình sự số: 253/2018/HS-ST ngày 23/10/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án.

Ngoài ra, Viện kiểm sát còn đề nghị giải quyết phần trách nhiệm dân sự và buộc bị phải nộp án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Hoàng Ngọc K yêu cầu Tòa án buộc Lê Hữu D phải trả cho anh số tiền 6.000.000đ mà anh đã cho bị cáo vay.

Bị cáo nhận tội, không có ý kiến tranh luận, chỉ xin xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, bị cáo Lê Hữu D khai nhận: Vào khoảng 06 giờ 00 phút ngày 26/7/2018, D đã hỏi mượn 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu đỏ - đen - xám, BKS 36B1-335.xx, trị giá 5.025.000đ của anh Vi Văn Tr là anh họ của vợ D để đi mua thuốc lá, mua xong thuốc lá thì D không trả xe cho anh Tr mà lại điều khiển xe mô tô về nhà mình ở phố T, phường Q, thành phố Thanh Hóa, đến chiều ngày 27/7/2018, D nảy sinh ý định cầm cố chiếc xe mô tô trên để lấy tiền tiêu sài cá nhân. Do không có giấy CMND nên D đã gặp Trần Việt H hỏi mượn thẻ Căn cước công dân để đi cầm cố chiếc xe, sau đó D chở H đến hiệu cầm đồ Ngọc K cầm cố chiếc xe mô tô của anh Tr lấy 5.000.000đ. Đến sáng ngày 28/7/2018, D lại đến hiệu cầm đồ Ngọc K vay thêm 1.000.000đ nữa. Tất cả số tiền trên D đều dùng để mua ma túy sử dụng và tiêu sài cái nhân hết.

Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận: Hành vi phạm tội của Lê Hữu D có đủ các dấu hiệu cấu thành tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản". Bị cáo đã tái phạm nay lại phạm tội do cố ý, do đó lần phạm tội này bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng định khung hình phạt "tái phạm nguy hiểm" theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 175 của Bộ luật hình sự.

[3] Xét tính chất của vụ án: Hành vi phạm tội của Lê Hữu D là nghiêm trọng và nguy hiểm cho xã hội. Bởi lẽ, bị cáo là đối tượng thanh niên có sức khỏe, nhưng không chịu lao động và làm ăn chân chính, lợi dụng sự tin tưởng của anh Vi Văn Tr, bị cáo đã mượn chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, BKS 36B1-335.xx của anh Tr để đi lại, sau đó bị cáo không trả lại tài sản cho người bị hại mà tự ý đem cầm cố để lấy tiền mua ma túy sử dụng và tiêu sài cá nhân. Hành vi phạm tội của bị cáo diễn ra hết sức táo bạo và nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo không những trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người bị hại mà còn gây mất trật tự trị an xã hội, gây bất bình đối với quần chúng nhân dân địa phương.

Bên cạnh đó, bị cáo D là đối tượng có nhân thân xấu, đã nhiều lần bị xử lý hình sự về các hành vi tội phạm ma túy, xâm phạm quyền sở hữu tài sản, cụ thể: Ngày 12/9/2012, bị Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa xử phạt 18 tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"; Ngày 02/6/2018, bị Tòa án nhân dân quận 12, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy"; Năm 2007, bị Công an thành phố Thanh Hóa xử lý hành chính bằng biện pháp "Đưa vào Tr giáo dưỡng" (từ ngày 16/5/2007); Ngày 23/10/2018, bị Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa xử phạt 30 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm minh để cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung, đồng thời việc cách ly xã hội đối với bị cáo một thời gian là cần thiết.

[4] Tuy nhiên, sau khi phạm tội bị cáo D đã thành khẩn khai báo hành vi phạm tội của mình. Nên khi quyết định hình phạt cần xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt để bị cáo thấy được có sự khoan hồng của pháp luật, yên tâm cải tạo, sớm trở thành người công dân lương thiện. Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được áp dụng cho bị cáo được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của BLHS.

Khi xét xử vụ án này, bị cáo D đang chấp hành hình phạt 30 tháng tù tại bản án số: 253/2018/HS-ST, ngày 23/10/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa. Cần tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo D phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 56 BLHS.

Xét bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung "phạt tiền" đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 175 của Bộ luật hình sự.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

- Tài sản bị cáo D chiếm đoạt là chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, BKS 36B1-335.xx, Cơ quan điều tra đã thu hồi và trả lại cho người bị hại là anh Vi Văn Tr, anh Tr không yêu cầu gì thêm, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Anh Hoàng Ngọc K yêu cầu bị cáo trả lại số tiền vay 6.000.000đ. Xét yêu cầu của anh K là có căn cứ nên buộc bị cáo D phải trả lại số tiền trên cho anh K là phù hợp với quy định tại các Điều 463, 466 của BLDS.

[6] Về án phí: Bị cáo D phải nộp án phí hình sự sơ thẩm, dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điểm g khoản 2 Điều 175; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; khoản 1 Điều 56 của Bộ luật hình sự; các Điều 463, 466 và 357 của Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23; khoản 6 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Tuyên bố: Bị cáo Lê Hữu D phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

Xử phạt: Bị cáo Lê Hữu D 30 (ba mươi) tháng tù. Tổng hợp với 30 (ba mươi) tháng tù tại bản án số: 253/2018/HS-ST, ngày 23/10/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 60 (sáu mươi) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 01/8/2018.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Lê Hữu D phải trả cho anh Hoàng Ngọc K số tiền 6.000.000đ.

Khi bản án có hiệu pháp luật, anh Hoàng Ngọc K có yêu cầu thi hành án đối với số tiền Lê Hữu D phải trả, nếu Lê Hữu D không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ thì Lê Hữu D phải chịu lãi đối với số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án, theo quy định tại Điều 468 của BLDS.

Án phí: Bị cáo Lê Hữu D phải nộp 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Tr hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại khoản 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- VKSND H.Như Xuân;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- CQĐT H.Như Xuân;
- Chi cục THADS H.Như Xuân;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Lê Tiến Thịnh